

Số: 05/2022/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (gọi tắt là A)

Trụ sở: Số a L, phường T, quận B TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Phúc A, bà Nguyễn Thị M, ông Lê Văn H (*Theo giấy ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N ngày 27/12/2019 và Giấy ủy quyền ngày 529/GUQ-NHNo,WH-TD ngày 12/7/2021 của Ngân hàng N chi nhánh huyện Ứng Hòa*).

1.2. Bị đơn: + Anh Đặng Hữu X – sinh năm 1970

+ Chị Đỗ Thị H – sinh năm 1969

Đều có HKTT: Thôn N, xã S, huyện U, TP. Hà Nội

1.3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đặng Hữu H1 – sinh năm 1938

+ Bà Nguyễn Thị T2 - sinh năm 1937

+ Anh Đặng Hữu X – sinh năm 1970

+ Chị Đỗ Thị H – sinh năm 1969

+ Ông Đặng Văn K – sinh năm 1965

+ Bà Đặng Thị M – sinh năm 1967

+ Anh Đặng Hữu L – sinh năm 1993

Đều có HKTT: Thôn N, xã S, huyện U, TP. Hà Nội

+ Chị Đặng Thị Thức L1 – sinh năm 1990
Nơi ĐKKHKT: Thôn T3, thị trấn T4, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà Thụ, chị H, ông K, bà M, anh L và chị L1 là anh Đặng Hữu X. (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/11/2021)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về Xc nhận nợ:

Nguyên đơn và bị đơn đều Xc nhận: Ngày 28/11/2016, anh Đặng Hữu X, chị Đỗ Thị H có ký kết H1 đồng tín dụng số: 2207- LAV- 201603228 với Ngân hàng N – chi nhánh Ứng Hòa vay số tiền 800.000.000 đồng. Theo đó, anh X, chị H đã được Ngân hàng giải ngân theo 03 Giấy nhận nợ ngày 28/4/2017: 250.000.000đ, ngày 30/5/2017: 305.000.000 đ, ngày 31/5/2017: 245.000.000đ. Nay anh X, chị H Xc nhận hiện còn nợ Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/4/2022 là: 1.168.778.598 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi tám đồng) cụ thể như sau: Nợ gốc 651.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 346.416.056 đồng; lãi quá hạn: 171.362.542 đồng.

2.2. Các bên thỏa thuận về thời hạn, phương thức thanh toán như sau:

A và anh Đặng Hữu X, bà Đỗ Thị H thỏa thuận thống nhất anh X, chị H sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng làm 06 kỳ cụ thể như sau:

+ Kỳ 1: Đến ngày 30/5/2022: Anh X, chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho A 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 2: Đến ngày 30/6/2022: Anh X, chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho A 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 3: Đến ngày 30/7/2022: Anh X, chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho A 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 4: Đến ngày 30/8/2022: Anh X, chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho A 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 5: Đến ngày 30/9/2022: Anh X, chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho A 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 6: Đến ngày 30/10/2022 Anh X, chị H có trách nhiệm thanh toán trả cho A toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại là 1.068.778.598 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/4/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại H1 đồng tín dụng số HDTD 2207- LAV- 201603228 ngày 28/11/2016 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của A) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường H1 bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên hoặc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là:

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ 01 diện tích 675,0 m² tại thôn Nghi Lộc, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T002164, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00460 QSDĐ/ƯH do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 05/3/2004 mang tên hộ ông Đặng Hữu H1. Tài sản này được thế chấp theo H1 đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 265/2013/HĐ-THC quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26 tháng 9 năm 2013 tại Văn phòng công chứng Hòa Nam, TP Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ 26 diện tích 239,7 m² tại thôn Nghi Lộc, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BN 904418, sổ vào sổ: CH02465 do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 20/12/2013 mang tên bà Đặng Thị Mạnh. Tài sản này được thế chấp theo H1 đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 433/2014/HĐ-THC quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20 tháng 10 năm 2014 tại Văn phòng công chứng Hòa Nam, TP Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trường H1 số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả A cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của A và anh Đặng Hữu X, chị Đỗ Thị H về án phí dân sự sơ thẩm. Anh X, chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự; anh X, chị H có đơn xin miễn giảm án phí nên được giảm án phí.

Buộc anh X, chị H phải nộp là 17.700.000đ (*Mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 22.078.000 đồng (*Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0057244 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện Ứng Hoà;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Bích Hằng